

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 919 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quyết toán Dự án hoàn thành: Đê, kè bảo vệ bờ biển xã Hải Châu,
Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường Hải Châu,
Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Thông báo kết luận số 374/KL-TTr ngày 26/9/2016 của Thanh tra Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 429/QĐ-UBND ngày 12/02/2009 phê duyệt chủ trương lập dự án: Tu bổ, khôi phục và nâng cấp các tuyến đê biển, đê cửa sông thuộc các huyện Hoằng Hóa, Quảng Xương và Tĩnh Gia; số 1880/QĐ-UBND ngày 19/6/2009 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đê, kè bảo vệ bờ biển xã Hải Châu, Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; số 3106/QĐ-UBND ngày 22/9/2011, số 540/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Đê, kè bảo vệ bờ biển xã Hải Châu, Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Châu, Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa; số 3319/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Tuyến đê, kè từ C166-C205, đường thi công số 5 hạng mục bổ sung đoạn đê, kè biển kéo dài từ xã Hải Ninh đến xã Hải Lĩnh thuộc dự án Đê, kè bờ biển xã Hải Châu - Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; số 2487/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh

nguồn vốn thực hiện dự án Đê, kè bảo vệ bờ biển xã Hải Châu, Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Châu, Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 591/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành: Đê, kè bảo vệ bờ biển xã Hải Châu, Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; số 493/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành: Tuyến Đê, kè từ C2 đến C102, cống qua đê số 1, đường thi công số 1,2,3 và 6 đoạn đê, kè kéo dài từ xã Hải Ninh đến xã Hải Lĩnh, thuộc dự án Đê, kè bảo vệ bờ biển xã Hải Châu, Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1047/STC-ĐT ngày 03/3/2022; của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 245/TTr-SNN&PTNT ngày 15/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành :

1. Tên Dự án: Đê, kè bảo vệ bờ biển xã Hải Châu, Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường Hải Châu, Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

2. Chủ đầu tư:

- Từ tháng 02/2009 đến tháng 11/2017: Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão Thanh Hóa.

- Từ tháng 11/2017 đến nay: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Hải Châu, Hải Ninh huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Châu, Hải Ninh thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa.

4. Thời gian khởi công - hoàn thành (thực tế): 12/2009 - 7/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		271.442.367.000	270.434.669.000
1	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	14.480.329.000	14.480.324.000
2	Xây dựng	237.600.782.000	237.600.030.000
3	Quản lý dự án	2.759.066.000	2.759.065.000
4	Tư vấn	9.020.949.000	8.925.727.000
5	Chi phí khác	6.805.895.000	6.669.523.000
6	Dự phòng	775.346.000	

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt	Thực hiện	
				Số vốn đã giải ngân	Số còn được giải ngân
1	2	3	4	5	6=4-5
	Tổng số	272.855.000.000	270.434.669.000	270.431.516.000	3.153.000
1	Vốn đầu tư công	272.855.000.000	270.434.669.000	270.431.516.000	3.153.000
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	272.855.000.000	270.434.669.000	270.431.516.000	3.153.000
-	Ngân sách Trung ương	246.669.000.000	246.653.925.000	246.650.772.000	3.153.000
-	Ngân sách tỉnh	26.186.000.000	23.780.744.000	23.780.744.000	0.00
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp khác của cơ quan nhà nước	0.00	0.00	0.00	0.00
2	Vốn khác	0.00	0.00	0.00	0.00

2.1. Vốn đầu tư đã quyết toán: 239.328.280.000 đồng theo Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2015 và Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2.2. Vốn đầu tư quyết toán lần này: 31.106.389.000 đồng.

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số:			270.434.669.000	
1. Tài sản dài hạn (TSCĐ):			270.434.669.000	
2. Tài sản ngắn hạn:				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		270.434.669.000	
1	Vốn đầu tư công	270.434.669.000	
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	270.434.669.000	
-	Vốn Ngân sách trung ương	246.653.925.000	
-	Vốn Ngân sách tỉnh	23.780.744.000	
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp khác của cơ quan nhà nước	0.00	
2	Vốn khác	0.00	

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày 08/01/2021.

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng.
- Tổng nợ phải trả: 3.153.000 đồng.
- Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND thị xã Nghi Sơn: 3.153.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/ cố định	Tài sản ngắn hạn	Ghi chú
Tổng số	270.434.669.000		
1. Các hạng mục đã quyết toán, bàn giao:	239.328.280.000		
UBND huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn): Hạng mục Đê, kè bờ biển xã Hải Châu, Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia.	122.134.585.000		Đã quyết toán theo Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.
UBND huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn): Hạng mục Tuyến đê, kè đoạn từ C2-C102, cống qua đê số 1; đường thi công số 1,2,3 và 6 đoạn Đê, kè kéo dài từ xã Hải Ninh đến xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia.	117.193.695.000		Đã quyết toán theo Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Hạng mục quyết toán, bàn giao lần này:	31.106.389.000		
UBND thị xã Nghi Sơn: Hạng mục Đê, kè từ C166-C205, đường thi công số 5 thuộc hạng mục đê, kè biển kéo dài từ xã Hải Ninh đến xã Hải Lĩnh thuộc dự án Đê, kè bờ biển xã Hải Châu, Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Châu, Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn)	31.106.389.000		

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về chính chính xác, hợp pháp của số liệu và hồ sơ trình phê duyệt quyết toán dự án.

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác: Thanh toán theo chế độ hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- PCVP UBND tỉnh Cao Thanh Tùng;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang